TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25/5/2023.
V/v Ly hôn, trAh chấp nuôi con.

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ah.
2. Bà Vũ Thị Hảo.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Đình Vạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Cao Kỷ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 504/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2022, về việc "*Ly hôn, trAh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phú Hoàng X, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Tổ 14, ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Tổ 14, ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn ông Phú Hoàng X trình bày:*

Ông và bà A tự nguyện kết hôn và được Ủy Ban nhân dân xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời giA thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, suy nghĩ của hai vợ chồng ngày càng khác

biệt nên tình cảm vợ chồng dạn nứt dẫn đến thường xuyên cãi vả lẫn nhau. Hai vợ chồng đã tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Ông X xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Ông và bà A có 01 con chung là Phú Thị Hoàng Y, sinh ngày 30/7/2008. Sau khi ly hôn, ông X yêu cầu giao cháu Y cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Ông X cấp dưỡng nuôi cháu Y mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho tới khi cháu Y thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung của vợ chồng: Ông X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy A đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và cung cấp lời khai.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố Tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn không đến Tòa án làm việc gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quA hệ hôn nhân: Ông X và bà A trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông X.

Về con chung: Ông X và bà A có 01 con chung là Phú Thị Hoàng Y, sinh ngày 30/7/2008. Ly hôn giao cháu Y cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng ông X cấp dưỡng nuôi cháu Y 1.500.000đ/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho tới khi cháu Y thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

- Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà A cư trú tại xã T, huyện V, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đăng ký kết hôn có giấy chứng nhận kết hôn năm 2008. Căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông X khởi kiện ly hôn nên Tòa án áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông X và bà A, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quA điểm sống, tính tình không hòa hợp, không quA tâm, chăm lo cuộc sống gia đình, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hai vợ chồng đã tìm cách hòa giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương để xác định nguyên nhân của việc phát sinh trAh chấp, kết quả xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà ông X và bà A có nhiều mâu thuẫn, hôn nhân của ông X và bà A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định nhưng bà A vắng mặt, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và không tham gia tố tụng tại phiên tòa, chứng tỏ bà A không quA tâm đến quA hệ hôn nhân của mình.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông X và bà A là có thật, đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn có sự quA tâm, chăm sóc nhau, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông X, ông X được ly hôn với bà A.

Về con chung: Ông X và bà A có 01 con chung là Phú Thị Hoàng Y, sinh ngày 30/7/2008. Ông X yêu cầu giao cháu Y cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, bà A không có ý kiến gì về phần này. Nguyện vọng của cháu Y mong muốn chung sống với bà A. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông X, giao cháu Y cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, ông X tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 1.500.000đ/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng), thời giA cấp dưỡng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động cho.

Sau khi ly hôn ông X được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông X không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Ông X khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông Phú Hoàng X khởi kiện về ly hôn nên phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân dân sự;

- Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc "Ly hôn, trAh chấp về nuôi con".

- Về hôn nhân: Ông Phú Hoàng X được ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Thúy A.

- Về con chung: Giao cháu Phú Thị Hoàng Y, sinh ngày 30/7/2008 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông X cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng), thời giA cấp dưỡng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, ông X được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn ông Phú Hoàng X phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng

nuôi con. Tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm nghì đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông X đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004612 ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Ông X phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

3. Kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông X không cấp dưỡng nuôi con với số tiền như trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời giA chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự..

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện V;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại